TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2023/HS-ST
Ngày 08-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Xuân Nhuần

Bà Nguyễn Thị Loan

- Thư ký phiên toà: Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2023, đối với bị cáo:

Lương Văn H, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1981 tại thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn H và bà Đỗ Thị H; vợ là: Phạm Thị N và có 02 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20-9-2022; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Trịnh Thị D - Luật sư thuộc Công ty Luật H, Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Văn K, anh Phạm Anh T, anh Lê Văn N, chị Nguyễn Thị H, bà Phạm Thị T và chị Nguyễn Thu Tr; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn P(viết tắt là Công ty P); địa chỉ: Số 85 Tg, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng do bà Phạm Thị T, sinh năm 1957, chức danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, là người Đại diện theo pháp luật được đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định của pháp luật. Công ty P có Kế toán trưởng là Nguyễn Thu T, sinh năm 1985 là con dâu của bà T và Kế toán viên là Nguyễn Thị H, sinh năm 1987, nơi ĐKTT: Thôn 15, xã N, huyện T, Hải Phòng, nơi sinh sống: Thôn 7, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng.

Ngày 02-01-2022, Công ty P ký hợp đồng đại lý với Lương Văn H, sinh năm 1981 và vợ là Phạm Thị N, sinh năm 1988, đều cư trú tại: Tổ dân phố B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Nội dung hợp đồng thể hiện: H, N làm đại lý bán các loại sơn nhãn hiệu KOVA cho Công ty Phạm T tại nơi ở của mình, Công ty P có trách nhiệm xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho khách hàng của H, N, còn H, N sẽ trả tiền về cho Công ty P. Trong quá trình bán sơn cho khách hàng, H thấy nhiều khách hàng mua lẻ không yêu cầu xuất hóa đơn giá trị gia tăng nên nảy sinh ý định bán hóa đơn giá trị gia tăng cho người khác với số lượng hàng hóa đã bán.

Lương Văn H yêu cầu Công ty Phạm T xuất 11 hóa đơn giá trị gia tăng ghi nội dung, tên người mua là Phạm Anh T, Lê Văn N, Nguyễn Văn K trên cơ sở số lượng sơn mà H đã lấy. Sau khi đối chiếu, kiểm tra, T đã chỉ đạo H xuất 11 (mười một) hóa đơn theo yêu cầu của H. Sau đó, H đến trụ sở Công ty gặp H để nhận 11 hóa đơn giá trị gia tăng in từ phần mềm sử dụng hóa đơn điện tử của Công ty P. Bao gồm các số: 00000134 ghi ngày 25-5-2022, 00000139 ghi ngày 27-5-2022, 00000140 ghi ngày 28-5-2022, 00000141 ghi ngày 30-5-2022, 00000242 ghi ngày 24-8-2022, 00000250 ghi ngày 26-8-2022, 00000257 ghi ngày 31-8-2022, 00000272 ghi ngày 05-9-2022, 00000277 ghi ngày 07-9-2022, 00000278 ghi ngày 08-9-2022, 00000279 ghi ngày 09-9-2022.

Từ ngày 02-6-2022 đến ngày 10-9-2022, tại nhà của H ở tổ dân phố B, phường B, quận Đ, Hải Phòng, H đã bán 11 hóa đơn giá trị gia tăng ghi nội dung nhưng không có hàng hóa dịch vụ kèm theo nêu trên cho T, N, K thu lợi bất chính tổng số tiền 10.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

Ngày 02-6-2022, H bán 04 hóa đơn giá trị gia tăng (số: 00000134 ghi ngày 25-5-2022, 00000139 ghi ngày 27-5-2022, 00000140 ghi ngày 28-5-2022, 00000141 ghi ngày 30-5-2022) cho Phạm Anh T, sinh năm 1989, nơi ĐKTT: Thôn 3, xã T, huyện K, thành phố thành phố Hải Phòng, nơi sinh sống: Thôn 6, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng được số tiền 5.000.000 đồng.

Ngày 27-8-2022, H bán 02 hóa đơn giá trị gia tăng (số: 00000242 ghi ngày 24-8-2022, 00000250 ghi ngày 26-8-2022) cho Lê Văn N, sinh năm 1987, nơi cư trú: Thôn 4, xã H, thị xã Q, tỉnh Quảng N được số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 10-9-2022, H bán 05 hóa đơn giá trị gia tăng (số: 00000257 ghi ngày 31-8-2022, 00000272 ghi ngày 05-9-2022, 00000277 ghi ngày 07-9-2022, 00000278 ghi ngày 08-9-2022, 00000279 ghi ngày 09-9-2022) cho Nguyễn Văn K, sinh năm 1991, nơi cư trú: Thôn 7, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng được số tiền 3.000.000 đồng.

Sau khi nhận được 05 hóa đơn giá trị gia tăng, K kiểm tra thì phát hiện địa chỉ của mình trên hóa đơn bị nhầm lẫn. Hồi 10 giờ 30 phút ngày 12-9-2022, tại ngã ba Bưu điện B thuộc Tiểu B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng, H và K gặp nhau để trao đổi việc chỉnh sửa lại địa chỉ của K trên hóa đơn giá trị gia tăng mà K đã mua của H thì bị Công an quận Đ bắt quả tang. Cơ quan điều tra đã thu giữ 11 hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên H đã bán cho T, N, K.

Vật chứng của vụ án: 11 hóa đơn giá trị gia tăng, Cơ quan điều tra đã thu giữ chuyển kèm theo hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, Lương Văn H tự nguyện giao nộp số tiền 10.000.000 đồng thu lợi bất chính từ việc bán hóa đơn giá trị gia tăng cho T, N, K.

Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 17-02-2023 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố bị cáo Lương Văn H về tội Mua bán trái phép hóa đơn quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến về nội dung Cáo trạng, thừa nhận việc điều tra, truy tố đối với bị cáo là không oan sai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội:

Về tội danh và khung hình phạt: Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như bản cáo trạng đã nêu; sau khi đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 203, Điều 36, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Văn H từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Mua bán trái phép hóa đơn. Đề nghị miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 203 Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo với mức phạt là 10.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo H 10.000.000 đồng. Đối với 11 hóa đơn giá trị gia tăng đã ghi nội dung (hóa đơn điện tử) liên quan đến vụ án cần chuyển vào hồ sơ vụ án.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho cải tạo ngoài xã hội.

Ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo: Về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, việc tịch thu số tiền mà bị cáo H thu lợi bất chính mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là đúng. Tuy nhiên, mức hình phạt Viện Kiểm sát

đề nghị là quá cao, việc mua bán hóa đơn của bị cáo là bột phát, số lượng hóa đơn không nhiều, mục đích của hóa đơn giá trị gia tăng là thu nộp ngân sách nhà nước giá trị thực của hàng hóa, dịch vụ viết trên hóa đơn, bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền 10.000.000 đồng thu lợi bất chính vào ngân sách nhà nước nên thiệt hại về vật chất đã được khắc phục, không ảnh hưởng đến ngân sách. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, con nhỏ, vợ bị cáo không có thu nhập ổn định, bị cáo còn phải nuôi bố mẹ già. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Theo quy định thì hành vi của bị cáo chỉ phạm tội ở mức độ khởi điểm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính trên mức khởi điểm, phạt bị cáo trên 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng là phù hợp đủ tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Ý kiến tranh luận của đại diện Viện Kiểm sát: Đại diện Viện Kiểm sát giải thích, bổ sung thêm lý do đề nghị cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt nêu trên. Khi đề nghị Hội đồng xét xử mức hình phạt đối với bị cáo đã xem xét toàn diện khung, khoản, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, đồng ý với người bào chữa là thiệt hại về vật chất đã được khắc phục, ngân sách nhà nước không bị thiệt hại. Tuy nhiên, từ trước đến nay trên địa bàn quận Đồ Sơn chưa có vụ việc mua bán trái phép hóa đơn. Do vậy, hành vi vi phạm của bị cáo ảnh hưởng xấu về mặt phi vật chất, gây dư luận và ảnh hưởng xấu đến tình hình kinh doanh mua bán đối với các danh nghiệp khác trên địa bàn. Việc không khấu trừ thu nhập của bị cáo đã là đã xem xét đến việc bị cáo là lao động chính trong gia đình, con nhỏ, vợ bị cáo không có thu nhập ổn định, bị cáo còn phải nuôi bố mẹ già. Về việc không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS bởi vì trong vụ án này bị cáo chỉ nộp lại số tiền thu lợi bất chính chứ không phải tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả nên không được áp dụng điểm, khoản, điều luật này. Hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo là do bị cáo có cửa hàng và có đăng ký kinh doanh, có lợi nhuận, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hình phạt bổ sung một khoản tiền đối với bị cáo là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Không ai có ý kiến tranh luận khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, những người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra nên không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người làm chứng theo khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về tội danh và khung hình phạt:

[3] Tại phiên tòa bị cáo Lương Văn H khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 02-6-2022 đến ngày 10-9-2022, tại tổ dân phố B, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng, bị cáo Lương Văn H có hành vi mua bán trái phép 11 hóa đơn giá trị gia tăng dưới hình thức hóa đơn điện tử (bán cho Phạm Anh T 04 hóa đơn, Lê Văn N 02 hóa đơn và Nguyễn Văn K 05 hóa đơn) đã ghi nội dung nhưng không có hàng hóa kèm theo để thu lợi bất chính tổng số tiền 10.000.000 đồng. Bị cáo là người có đầy đủ khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được việc bán hóa đơn khống để thu lợi là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Mua bán trái phép hóa đơn theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước đối với các loại hóa đơn do Nhà nước thống nhất phát hành, các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực thuế, xâm hại đến lợi ích quốc gia về kinh tế, gây mất trật tự trị an nên cần xét xử nghiêm nhằm mục đích giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ tiền thu lợi bất chính. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] *Về nhân thân:* Bị cáo không có tiền án và tiền sự, trước lần phạm tội này, chưa bị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật nên có nhân thân tốt.

[8] *Về hình phạt:* Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên có thể xem xét áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự, khoan hồng cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ để răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo.

[9] Về khấu trừ thu nhập: Bị cáo là lao động chính trong gia đình nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo. Bị cáo phải thực hiện một số công việc lao

động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

[10] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo mở cửa hàng có đăng ký kinh doanh, có lợi nhuận ổn định nên ngoài hình phạt chính cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo ở mức khởi điểm nhằm thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[11] Về xử lý vật chứng: 11 hóa đơn giá trị gia tăng (hóa đơn điện tử) liên quan đến vụ án cần chuyển vào hồ sơ vụ án. Đối với số tiền 10.000.000 đồng bị cáo Huy đã tự nguyện nộp lại, đây là số tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[12] *Về vấn đề khác:* Trong vụ án còn có Phạm Thị T, Nguyễn Thu T và Nguyễn Thị H xuất hóa đơn giá trị gia tăng trên cơ sở hợp đồng và số lượng sơn đã giao cho bị cáo H, 11 hóa đơn Công ty P xuất cho bị cáo H đã được kê khai thuế đầy đủ, ngân sách nhà nước không bị thiệt hại, Phạm Thị N không biết việc bị cáo H mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với bà T, chị Trang, chị H và chị N là có căn cứ.

[13] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[14] *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 203, Điều 36, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lương Văn H 09 (*Chín*) tháng cải tạo không giam giữ về tội Mua bán trái phép hóa đơn. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lương Văn H. Bị cáo H phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 của Bộ luật Hình sự.

Giao bị cáo Lương Văn H cho Ủy ban nhân dân phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo.

Trong trường hợp bị cáo Lương Văn H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định Điều 100 Luật Thi hành án hình sự như sau:

"Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một

phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc trong quân đội thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người chấp hành án không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.”

Căn cứ vào khoản 3 Điều 203 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bổ sung bị cáo Lương Văn H 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng.

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất chính của bị cáo H 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng mà bị cáo H đã giao nộp. Số tiền này thể hiện tại Biên lai thu tiền nộp NSNN số 0002059 ngày 23-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

11 hóa đơn giá trị gia tăng (hóa đơn điện tử) liên quan đến vụ án chuyển vào hồ sơ vụ án.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo Lương Văn H phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PC 10; PV 06)
- Chi cục THADS quận Đ;
- Thi hành án hình sự;
- UBND phường B, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Vinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Xuân Nhuần **Nguyễn Thị Loan** **Bùi Xuân Vinh**

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PC 10; PV 06)
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Thi hành án hình sự;
- UBND phường Bàng La, quận Đồ Sơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Vinh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Xuân Nhuần **Nguyễn Thị Loan** **Bùi Xuân Vinh**